

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao,

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và nhân viên chuyên môn của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin.

Patin là hoạt động vận động bao gồm các động tác phối hợp được thực hiện trên giày trượt như giữ thăng bằng, xoay, trượt, vượt chướng ngại vật, phục vụ giải trí và nâng cao sức khỏe người tập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động Patin tại Việt Nam.

Điều 3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động

1. Cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin là doanh nghiệp thể thao khi tiến hành hoạt động phải được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo thủ tục quy định tại Khoản 5 Điều 55 của Luật Thể dục, thể thao.

2. Cơ sở thể thao khi tổ chức hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao môn Patin phải bảo đảm các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Điều 43 của Luật Thể dục, thể thao.



Điều 4. Điều kiện về cơ sở vật chất

Địa điểm hoạt động Patin phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Sân tập luyện Patin có diện tích từ 300 m² trở lên, mật độ tập luyện tối thiểu 5 m²/người.
2. Mặt sân bằng phẳng, có thể có dốc trượt (sóng) và mô hình chướng ngại vật. Bề mặt sân đối với khu vực bằng phẳng phải nhẵn, không trơn trượt; đối với khu vực có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng với bề mặt được xử lý nhẵn, không trơn trượt, các góc cạnh phải an toàn không gây nguy hiểm cho người chơi, độ dốc của dốc trượt không quá 30°. Chiều rộng của dốc trượt và mô hình chướng ngại vật tối thiểu 2m.
3. Âm thanh, tiếng ồn bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
4. Có cơ sở thuốc thông thường, dụng cụ sơ cứu ban đầu và phải đăng ký liên kết với cơ sở y tế gần nhất.
5. Có khu vực vệ sinh, thay đồ và để xe.
6. Có bảng nội quy quy định thời gian tập luyện, không tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức, không hút thuốc, uống rượu, bia trong khi tập luyện và các nội dung khác có liên quan.
7. Đảm bảo thời gian hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều kiện về trang thiết bị tập luyện

1. Phải bố trí trang thiết bị cho người tập, bao gồm:
 - a) Tấm lót khuỷu tay, tấm lót đầu gối;
 - b) Mũ đội đầu;
 - c) Giày trượt.
2. Giày trượt sử dụng đảm bảo các thông số sau:
 - a) Giày có khóa chắc chắn, đảm bảo ôm chân, không lỏng lẻo, thân giày không bị nghiêng, vẹo quá 45° qua 2 bên sau khi mang vào và cài dây đủ các khóa;
 - b) Bánh xe là loại cao su mềm, có độ đàn hồi tốt, vòng bi dùng loại 2 vòng bi cho một bánh xe với vòng đệm ở giữa, không sử dụng loại một trục;
 - c) Khung đỡ và lắp bánh của giày (Frames):
 - Loại làm bằng hợp kim nhôm (Alu) có độ cứng trên 5000, có độ dày vị trí mỏng nhất trên 1 mm, bảo đảm an toàn;
 - Loại bằng nhựa có độ dày vị trí mỏng nhất trên 2 mm, bảo đảm an toàn.
3. Số lượng trang thiết bị quy định tại khoản 1 Điều này phải đạt ít nhất 50% trên tổng số lượng người chơi tối đa (tính theo diện tích sân).

Điều 6. Điều kiện về nhân viên chuyên môn

1. Người hướng dẫn chuyên môn phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đã tham dự lớp tập huấn chuyên môn Patin do Tổng cục Thể dục thể thao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức xã hội nghề nghiệp về Patin cấp quốc gia tổ chức.

b) Có chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp và phải tái khám định kỳ hàng năm.

2. Mỗi người hướng dẫn chuyên môn hướng dẫn tập luyện không quá 20 người trong một buổi tập.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.


2. Thanh tra Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về điều kiện chuyên môn khi tổ chức hoạt động Patin.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013.

Các cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin đã thành lập nhưng chưa bảo đảm đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này phải bổ sung, hoàn thiện trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, kịp thời giải quyết. / 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Sở VHTTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, TCTDTT, S(400).

BỘ TRƯỞNG



Hoàng Tuấn Anh